

Số: 162/QĐ-UBND

Minh Tiến, ngày 18 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của  
UBND xã Minh Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH TIẾN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách Nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ nghị quyết /NQ-HĐND ngày 18/7/2022 của Hội đồng nhân dân xã Minh Tiến về việc phê chuẩn Quyết toán ngân sách xã năm 2022;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã Minh Tiến;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của UBND xã Minh Tiến (Có biểu chi tiết số 116,117,118,119,120/CK TC-NSNN kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Minh Tiến, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng xóm trong xã;
- Lưu: VP-UBND, Ban tài chính.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Văn Tiệm**

## THUYẾT MINH

### Tình hình thực hiện quyết toán thu chi ngân sách năm 2022 được HĐND xã phê chuẩn

(Kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND xã Minh Tiến)

Căn cứ luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: 8118/QĐ-UBND của UBND huyện Đại Từ ngày 23/12/2021 về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 xã Minh Tiến;

UBND xã Minh Tiến thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách năm 2022 được HĐND xã phê chuẩn như sau:

**1. Tổng thu ngân sách NN năm 2022 là: 8.309.120.050 đồng (Tổng thu ngân sách xã năm 2022 là: 8.199.507.345 đồng)**

Trong đó:

- |  |                    |
|--|--------------------|
| - Thu cân đối trên địa bàn xã:                   | 226.339.264 đồng   |
| (Thu cân đối ngân sách xã hưởng:                 | 116.726.559 đồng)  |
| - Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:             | 7.807.181.150 đồng |
| - Thu kết dư ngân sách năm 2021 sang 2022        | 21.629.248 đồng    |
| - Thu chuyển nguồn ngân sách năm 2021 sang 2022: | 253.970.388 đồng   |

**2. Tổng chi ngân sách năm 2022: 8.193.573.730 đồng**

- |  |                    |
|--|--------------------|
| - Chi thường xuyên:                          | 5.097.929.694 đồng |
| - Chi đầu tư xây dựng cơ bản:                | 2.693.807.400 đồng |
| - Chuyển nguồn ngân sách năm 2022 sang 2023: | 401.836.636 đồng   |

**3. Kết dư ngân sách năm 2022 sang 2023: 5.933.615 đồng**

**4. Các loại quỹ công chuyên dùng do nhân dân đóng góp:**

- |  |                  |
|--|------------------|
| - Kết dư năm 2021 chuyển sang năm 2022 thực hiện chi tiếp: | 116.218.500 đồng |
| - Thu trong năm 2022:                                      | 172.162.000 đồng |
| - Tổng chi các loại quỹ năm 2022                           | 192.976.000 đồng |
| - Kết dư các loại quỹ chuyển sang năm 2023:                | 111.615.500 đồng |



## CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>8.199.507.345</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>8.193.573.730</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	54.250.000	I. Chi đầu tư phát triển	2.693.807.400
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ <sup>(1)</sup>	62.476.559	II. Chi thường xuyên	5.097.929.694
III. Thu bổ sung	7.807.181.150	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	401.836.636
- Bổ sung cân đối	4.536.445.000		
- Bổ sung có mục tiêu	3.270.736.150		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	21.629.248	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. ghi thu ghi chi			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	253.970.388		
<b>Kết dư ngân sách</b>			<b>5.933.615</b>

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

## QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	4.874.139.000	4.820.139.000	8.309.120.050	8.199.507.345	170,11	170,11
I	Các khoản thu 100%	65.000.000	65.000.000	55.928.037	54.250.000	83,46	83,46
	Phí, lệ phí	25.000.000	25.000.000	23.750.000	23.750.000	95,00	95,00
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			3.178.037	1.500.000		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	40.000.000	40.000.000	29.000.000	29.000.000	72,50	72,50
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	110.000.000	56.000.000	170.411.227	62.476.559	111,57	111,57
I	Các khoản thu phân chia	110.000.000	56.000.000	170.411.227	62.476.559	111,57	111,57
	Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công	0	0				
	Thuế GTGT	30.000.000	30.000.000	25.160.000	25.160.000		
	Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	39.000.000	0	95.354.668	0	244,50	0,00
	Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	15.000.000	0	12.580.000	0	83,87	0,00
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	11.000.000	11.000.000	10.700.000	10.700.000	97,27	97,27
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	15.000.000	15.000.000	26.616.559	26.616.559		0,00
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	216.694.000	216.694.000	253.970.388	253.970.388		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	4.482.445.000	4.482.445.000	21.629.248	21.629.248		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.482.445.000	4.482.445.000	7.807.181.150	7.807.181.150	0,00	0,00
	- Thu bổ sung cân đối	4.482.445.000	4.482.445.000	4.536.445.000	4.536.445.000		0,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu			3.270.736.150	3.270.736.150		0,00





**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN					ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ			
A	B	I	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3	
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>4.874.139.000</b>	<b>0</b>	<b>4.874.139.000</b>	<b>8.193.573.730</b>	<b>2.693.807.400</b>	<b>5.499.766.330</b>	<b>168,1</b>		<b>112,8</b>	
	Trong đó				0						
1	Chi sự nghiệp kinh tế	31.500.000		31.500.000	1.754.107.400	1.754.107.400					
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				0						
3	Chi giáo dục, y tế	53.640.000		53.640.000	636.340.000	582.700.000	53.640.000				
4	Chi văn hóa, thông tin	31.500.000		31.500.000	461.834.000	357.000.000	104.834.000	1.466,1		332,8	
5	Chi phát thanh, truyền thanh				0						
6	Chi thể dục thể thao	22.500.000		22.500.000	14.534.500		14.534.500	65		64,6	
7	Chi bảo vệ môi trường										
8	Chi các hoạt động kinh tế										
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.783.538.348		3.783.538.348	4.023.026.373		4.023.026.373	106,3		106,3	
10	Chi cho công tác xã hội	126.188.000		126.188.000	125.198.059		125.198.059	99,2		99,2	
11	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	672.678.652		672.678.652	686.696.762		686.696.762				
12	Dự phòng	90.000.000		90.000.000	90.000.000		90.000.000			100,0	
13	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				401.836.636		401.836.636				
14	Tiết kiệm chi thường xuyên	62.594.000		62.594.000	0		0				

QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN<sup>(1)</sup> NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021	Tổng số	Giá trị đã thanh toán năm 2022		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp			Trong đó thanh toán khối lượng hoàn thành	Nguyên cân đối ngân sách	Nguyên đóng góp
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>21.722.890</b>	<b>0</b>	<b>15.137.470</b>	<b>2.767.187</b>	<b>2.767.187</b>	<b>2.693.807</b>	
<b>I. Công trình đã có quyết toán</b>								
<b>Trong đó: Công trình đã có quyết toán</b>								
Đường liên xã Phú Cường - Minh Tiến (Từ cầu treo Minh Hòa - đến đình Làng Cướm)	2020-2021	4.020.322		3.665.000	183.000	183.000	183.000	
Đường giao thông liên xóm Tân Hợp 3 - Tân Hợp 4 - Tân Hợp 5 xã Minh Tiến (Xi măng A cấp)	2020-2021	5.082.704		4.020.288	844.228	844.228	770.848	
Trường tiểu học Minh Tiến, HM: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	2020-2021	4.150.884		3.320.000	582.700	582.700	582.700	
Trạm bơm điện xóm 2 Hòa Tiến xã Minh Tiến	2020-2021	2.163.037		1.568.000	509.300	509.300	509.300	
Tường bao sân văn hóa thể thao xã Minh Tiến;	2020-2021	2.320.256		1.886.800	357.000	357.000	357.000	
Đường giao thông nông thôn xã Minh Tiến năm 2020 (Gói 1), hạng mục: Đường BTXM xóm Tân Hợp 1, Lưu Quang 1, xóm Lưu Quang 2, xóm Lưu Quang 4, xóm Lưu Quang 5, xóm Hòa Tiến 2, xóm	2021-2022	1.986.340		554.894	48.300	48.300	48.300	





## THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2022			THỰC HIỆN NĂM 2022		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>422.109.026</b>	<b>307.266.526</b>	<b>114.842.500</b>	<b>422.109.026</b>	<b>307.266.526</b>	<b>114.842.500</b>
1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng	304.591.500	192.976.000	111.615.500	304.591.500	192.976.000	111.615.500
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	67.088.000	47.814.000	19.274.000	67.088.000	47.814.000	19.274.000
- Quỹ bảo trợ trẻ em	45.583.500	36.543.000	9.040.500	45.583.500	36.543.000	9.040.500
- Quỹ vì người nghèo	27.938.000	21.146.000	6.792.000	27.938.000	21.146.000	6.792.000
- Quỹ nhân đạo	40.514.500	21.640.000	18.874.500	40.514.500	21.640.000	18.874.500
- Quỹ khuyến học	30.435.000	23.687.000	6.748.000	30.435.000	23.687.000	6.748.000
- Quỹ người cao tuổi	41.729.500	14.843.000	26.886.500	41.729.500	14.843.000	26.886.500
- Quỹ phòng chống Covid - 19	16.211.000	16.211.000	0	16.211.000	16.211.000	0
- Quỹ phòng chống thiên tai	35.092.000	11.092.000	24.000.000	35.092.000	11.092.000	24.000.000
2. Chi hộ	117.517.526	114.290.526	3.227.000	117.517.526	114.290.526	3.227.000
- Quỹ khác	117.517.526	114.290.526	3.227.000	117.517.526	114.290.526	3.227.000